

Số: 272 / 2026/CV-JVC
(V/v: CBTT BCTC Quý II.2026 và Giải trình
biến động LNST)

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Y TẾ - DƯỢC PHẨM VIỆT NAM**
- Mã chứng khoán: **JVC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
- Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Ngọc Cương**
- Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 683 0516
- Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu : ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam công bố Báo cáo tài chính Quý II năm 2026 như sau:

- Báo cáo tài chính Quý II năm 2026 (giai đoạn 01/04/2026 - 30/06/2026) đã được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn:
<https://vmpt.vn/danh-muc-tin/thong-bao-co-dong-33>
- Giải trình Báo cáo tài chính Quý II năm 2026 (giai đoạn 01/04/2026 - 30/06/2026) do Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh Quý II.2026 so với Quý II.2025 có sự biến động hơn 10% cụ thể như sau:

a. Báo cáo tài chính riêng Quý II năm 2026 (giai đoạn 01/04/2026 - 30/06/2026)

STT	CHỈ TIÊU	Quý II.2026	Quý II.2025	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	139,900,288,401	131,198,391,176	8,701,897,225	7%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	12,978,823,545	56,790,476	12,922,033,069	22754%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	126,921,464,856	131,141,600,700	(4,220,135,844)	(3%)
4	Giá vốn hàng bán	84,127,431,250	102,262,851,411	(18,135,420,161)	(18%)
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42,794,033,606	28,878,749,289	13,915,284,317	48%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1,331,172,614	(1,534,359,918)	2,865,532,532	187%

STT	CHỈ TIÊU	Quý II.2026	Quý II.2025	Chênh lệch	Tỷ lệ
7	Chi phí tài chính	6,358,614,280	3,634,761,333	2,723,852,947	75%
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>4,509,894,380</i>	<i>2,321,304,840</i>	<i>2,188,589,540</i>	<i>94%</i>
8	Chi phí bán hàng	15,094,676,559	9,473,400,192	5,621,276,367	59%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,422,204,412	9,107,258,029	1,314,946,383	14%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12,249,710,969	5,128,969,817	7,120,741,152	139%
11	Thu nhập khác	3,924,041,270	6,430,487,558	(2,506,446,288)	(39%)
12	Chi phí khác	86,318,799	33,697,023	52,621,776	156%
13	Lợi nhuận khác	3,837,722,471	6,396,790,535	(2,559,068,064)	(40%)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16,087,433,440	11,525,760,352	4,561,673,088	40%
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3,222,105,530	2,305,152,070	916,953,460	40%
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12,865,327,910	9,220,608,282	3,644,719,628	40%



Giải trình:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Quý II.2026 tăng 40% so với cùng kỳ năm trước do một số yếu tố chính như sau:

- Doanh thu thuần tăng 7% so với cùng kỳ năm trước nhờ Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh hàng hóa và mở rộng cung cấp các dịch vụ kỹ thuật (service), góp phần cải thiện kết quả kinh doanh.
- Trong kỳ, Công ty đã đàm phán giảm giá vốn hàng bán với các nhà cung cấp, đồng thời đẩy mạnh tiêu thụ lượng hàng tồn kho đã được trích lập dự phòng ở các kỳ trước. Do đó, giá vốn hàng bán giảm 18% so với cùng kỳ năm trước, làm tăng biên lợi nhuận gộp và là nguyên nhân chính khiến lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng đáng kể so với cùng kỳ

b. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2026 (giai đoạn 01/04/2026 - 30/06/2026)

STT	CHỈ TIÊU	Quý II.2026	Quý II.2025	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	155.415.825.520	136.334.347.005	19.081.478.515	14%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	13.040.992.985	56.790.476	12.984.202.509	22863%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	142.374.832.535	136.277.556.529	6.097.276.006	4%

STT	CHỈ TIÊU	Quý II.2026	Quý II.2025	Chênh lệch	Tỷ lệ
4	Giá vốn hàng bán	91.776.405.950	108.841.897.271	(17.065.491.321)	(16%)
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.598.426.585	27.435.659.258	23.162.767.327	84%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.757.722.464	(1.631.368.189)	5.389.090.653	330%
7	Chi phí tài chính	7.793.302.598	3.834.197.226	3.959.105.372	103%
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>6.246.561.472</i>	<i>2.520.740.733</i>	<i>3.725.820.739</i>	<i>148%</i>
8	Chi phí bán hàng	15.196.498.540	9.627.623.114	5.568.875.426	58%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.005.312.067	10.148.949.867	3.856.362.200	38%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.361.035.844	2.193.520.862	15.167.514.982	691%
11	Thu nhập khác	4.235.228.712	2.157.760.285	2.077.468.427	96%
12	Chi phí khác	433.063.493	498.919.108	(65.855.615)	(13%)
13	Lợi nhuận khác	3.802.165.219	1.658.841.177	2.143.324.042	129%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.163.201.063	3.852.362.039	17.310.839.024	449%
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.975.674.075	1.912.731.823	2.062.942.252	108%
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.688.990.920	2.989.800.774	13.699.190.146	458%

Giải trình:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Quý II.2026 tăng 458% so với cùng kỳ năm trước do một số yếu tố chính như sau:

- Doanh thu thuần tăng 14% so với cùng kỳ năm trước nhờ Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh hàng hóa và mở rộng cung cấp các dịch vụ kỹ thuật (service), góp phần cải thiện kết quả kinh doanh.
- Trong kỳ, Công ty đã đàm phán giảm giá vốn hàng bán với các nhà cung cấp đồng thời đẩy mạnh tiêu thụ lượng hàng tồn kho đã được trích lập dự phòng ở các kỳ trước. Do đó, giá vốn hàng bán giảm 16% so với cùng kỳ năm trước, làm tăng biên lợi nhuận gộp và là nguyên nhân chính khiến lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng đáng kể so với cùng kỳ



- Thu nhập khác tăng mạnh 129% so với cùng kỳ, chủ yếu do trong kỳ Công ty ghi nhận khoản thu nhập bồi thường phát sinh từ một sự kiện đặc thù, mang tính không thường xuyên.

Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



NGUYỄN NGỌC CƯỜNG

3

**VIETNAM MEDICAL AND
PHARMACEUTICAL INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence -Freedom -Happiness

No: 272 / 2026/CV-JVC
(V/v: Declare Quarter II.2026 Financial
Report and Explain Profit after Tax)

Hanoi, 30 July 2026

Respectfully Addressed To: - STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM

- HOCHIMINH STOCK EXCHANGE

- Company name: **VIETNAM MEDICAL AND PHARMACEUTICAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**
- Stock code: **JVC**
- Headquater Address: 24th Floor, ICON4 Tower, 243A De La Thanh, Lang Ward, Hanoi City.
- Tel: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
- Information Declaring Representative: **Nguyen Ngoc Cuong**
- Address: 24th Floor, ICON4 Tower, 243A De La Thanh, Lang Ward, Hanoi City.
- Telephone: 0243 683 0516
- Types of declared information: ☐ 24 hour ☐ extraordinary ☐ as requested : ☒ periodical

Content of declared information (*):

Vietnam Medical and Pharmaceutical Investment Joint Stock Company declares the Quarter II.2026 Financial Report as following:

1. The Quarter II.2026 Financial Report (from 01 Apr 2026 to 30 Jun 2026) was declared on our company's website at the link:
<https://vmppi.vn/danh-muc-tin/thong-bao-co-dong-33>
2. Explanation for The Quarter II.2026 Financial Report (from 01 Apr 2026 to 30 Jun 2026) as Profit after tax of Quarter II.2026 fluctuates over 10% compared to that of Quarter II.2025:
 - a. **Separate Financial Report of Quarter II.2026 (from 01 Apr 2026 to 30 Jun 2026)**

STT	ITEMS	From 01/04/2026 to 30/06/2026	From 01/04/2025 to 30/06/2025	Difference	Increase/ Decrease (%)
1	Revenue from goods sold and services rendered	139,900,288,401	131,198,391,176	8,701,897,225	7%
2	Revenue deduction	12,978,823,545	56,790,476	12,922,033,069	22754%
3	Net Revenue from goods sold and services rendered	126,921,464,856	131,141,600,700	(4,220,135,844)	(3%)
4	Cost of goods sold	84,127,431,250	102,262,851,411	(18,135,420,161)	(18%)
5	Gross profit from goods sold and services rendered	42,794,033,606	28,878,749,289	13,915,284,317	48%
6	Financial income	1,331,172,614	(1,534,359,918)	2,865,532,532	187%
7	Financial expenses	6,358,614,280	3,634,761,333	2,723,852,947	75%
	<i>Of which: interest expense</i>	<i>4,509,894,380</i>	<i>2,321,304,840</i>	<i>2,188,589,540</i>	<i>94%</i>
8	Selling expenses	15,094,676,559	9,473,400,192	5,621,276,367	59%
9	General and Administration expenses	10,422,204,412	9,107,258,029	1,314,946,383	14%
10	Operating profit	12,249,710,969	5,128,969,817	7,120,741,152	139%
11	Other income	3,924,041,270	6,430,487,558	(2,506,446,288)	(39%)
12	Other expenses	86,318,799	33,697,023	52,621,776	156%
13	Profit from other activities	3,837,722,471	6,396,790,535	(2,559,068,064)	(40%)
14	Accounting profit before tax	16,087,433,440	11,525,760,352	4,561,673,088	40%
15	Current corporate income tax	3,222,105,530	2,305,152,070	916,953,460	40%
16	Deferred corporate income tax expense	12,865,327,910	9,220,608,282	3,644,719,628	40%

Explanation:

The corporate income profit after tax of the parent company on the Q2/2026 Business Performance Statement increased by 40% compared to the same period last year due to the following core factors:

- **Net revenue increased by 7%** year-on-year as the Company accelerated its commercial trading activities and expanded its technical service offerings, contributing to the improvement of business results.
- During the period, the Company successfully negotiated lower purchase prices with its suppliers while accelerating the sale of inventories for which impairment provisions had been recognized in previous periods. As a result, cost of goods sold decreased by 18% compared

to the same period last year, leading to an improvement in the gross profit margin and serving as the primary driver of the significant increase in the Company's profit after tax compared to the corresponding period of the previous year.

b. Consolidated Financial Report of Quarter II.2026 (from 01 Apr 2026 to 30 Jun 2026)

STT	Items	From 01/04/2026 to 30/06/2026	From 01/04/2025 to 30/06/2025	Difference	Increase/ Decrease (%)
1	Revenue from goods sold and services rendered	155.415.825.520	136.334.347.005	19.081.478.515	14%
2	Revenue deduction	13.040.992.985	56.790.476	12.984.202.509	22863%
3	Net Revenue from goods sold and services rendered	142.374.832.535	136.277.556.529	6.097.276.006	4%
4	Cost of goods sold	91.776.405.950	108.841.897.271	(17.065.491.321)	-16%
5	Gross profit from goods sold and services rendered	50.598.426.585	27.435.659.258	23.162.767.327	84%
6	Financial income	3.757.722.464	(1.631.368.189)	5.389.090.653	330%
7	Financial expenses	7.793.302.598	3.834.197.226	3.959.105.372	103%
	<i>Of which: interest expense</i>	6.246.561.472	2.520.740.733	3.725.820.739	148%
8	Selling expenses	15.196.498.540	9.627.623.114	5.568.875.426	58%
9	General and Administration expenses	14.005.312.067	10.148.949.867	3.856.362.200	38%
10	Operating profit	17.361.035.844	2.193.520.862	15.167.514.982	691%
11	Other income	4.235.228.712	2.157.760.285	2.077.468.427	96%
12	Other expenses	433.063.493	498.919.108	(65.855.615)	-13%
13	Profit from other activities	3.802.165.219	1.658.841.177	2.143.324.042	129%
14	Accounting profit before tax	21.163.201.063	3.852.362.039	17.310.839.024	449%
15	Current corporate income tax	3.975.674.075	1.912.731.823	2.062.942.252	108%
16	Profit after tax	16.688.990.920	2.989.800.774	13.699.190.146	458%



Explanation:

The corporate income profit after tax on the Q2/2026 Business Performance Statement increased by 458% compared to the same period last year due to the following core factors:

- **Net revenue increased by 14%** year-on-year as the Company accelerated its commercial trading activities and expanded its technical service offerings, contributing to the improvement of business results.
- During the period, the Company successfully negotiated lower purchase prices with its suppliers while accelerating the sale of inventories for which impairment provisions had been recognized in previous periods. As a result, cost of goods sold decreased by **16%** compared to the same period last year, leading to an improvement in the gross profit margin and serving as the primary driver of the significant increase in the Company's profit after tax compared to the corresponding period of the previous year.
- **Other income experienced a sharp increase of 129%** year-on-year, primarily due to the recognition of a compensation income arising from a non-recurring, special event during the period.

Vietnam Medical And Pharmaceutical Investment Joint Stock Company affirms that the information provided above is truthful and accurate.

Sincerely!

To:

- As Respectfully Addressed To;
- Archived in clerical department.

INFORMATION DECLARING
REPRESENTATIVE



NGUYEN NGOC CUONG